TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2024
"Về việc ly hôn"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hoàng ThA Nam**
Bà Lưu Thị Phúc

-Thư ký phiên tòa: **Bà Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng: **Bà Nguyễn Thị Tới** – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 71/2024/TLST - HNGĐ ngày 20/3/2024 về việc ***"Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17-72024 và Quyết định hoãn phiên toà số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2024 giữa các đương sự.

**** Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1983. Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước
**** Bị đơn:*** Ông **Lê Hoài A**, sinh năm 1974. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Hoài A xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ngày 12/6/2001.

Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân do tính tính không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống. Ông A là người tH trách nhiệm với vợ con, hay nhậu nhẹt, chửi bới bà…Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018, tuy sống chung nhà nhưng mỗi người ở một phòng, không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên từ năm 2023 đến nay, bà thường xuyên bị ông A ép quan hệ vợ chồng làm cho bà sợ hãi và bị tổn thương tâm lý trầm trọng. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Thuỳ D – sinh năm 2001 và Lê Minh H – sinh năm 2003. Cả 2 con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết
Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hoài A trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã giao hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác theo quy định pháp luật nhưng ông A không đến Toà án làm việc nên Thẩm phán không lấy được lời khai của ông A.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hô nhân: Xử cho bà L được ly hôn với ông A.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lê Hoài A. Bị đơn ông A cư trú tại thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Hoài A vắng mặt 02 lần tại phiên toà. Căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị L và ông Lê Hoài A tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ngày 12/6/2001. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm; ông A tH trách nhiệm, hay nhậu nhẹt, gây chuyện, chửi bới bà. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông A là người thường xuyên nhậu nhẹt, không có việc làm ổn định. Địa phương không rõ mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông A vì bà L không trình báo địa phương nên địa phương không can thiệp.

Mặc dù địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông A do bà L không trình báo nhưng theo kết quả xác minh tại địa phương thì ông A là người hay nhậu nhẹt, không có việc làm ổn định nên lời trình bày của bà L về việc ông A tH trách nhiệm, hay nhậu nhẹt là có cơ sở. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án thực hiện việc tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng ông A không đến Toà án để giải quyết vụ án. Chứng tỏ ông A không có ý thức hoà giải, không muốn hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L với ông A là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về con chung:* Bà L và ông A có 02 con chung là Lê Thị Thuỳ D – sinh năm 2001 và Lê Minh H – sinh năm 2003. Cả 2 con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Hoài A.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011121 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, bà L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hải

Nơi nhận:
- *VKSND H. Phú Riềng;*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS huyện PR;*
- *UBND xã Thuận Lợi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*